

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014**

Hà Nội, Tháng 04 năm 2014



PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

1. Tình hình chung:

*** Khách quan:**

- Nền kinh tế trong và ngoài nước có nhiều biến động bất lợi cho doanh nghiệp đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản do kinh tế trầm lắng, chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ.
- Đầu tư công cho xây dựng cơ sở hạ tầng bị hạn chế, nguồn vốn dành cho các dự án xây lắp không cao dẫn đến nguồn công việc ít, công tác đấu thầu có sự cạnh tranh khốc liệt của nhiều đối thủ mạnh trên thị trường, nhiều nhà thầu khi tham gia đấu thầu đã giảm giá đến mức thấp nhất, thậm chí bỏ thầu dưới giá thành chỉ với mục tiêu là có công việc, có dòng tiền để vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.
- Thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng, hàng tồn kho quá cao, mặc dù đã có điều chỉnh giảm giá kinh doanh nhưng các sản phẩm vẫn tiêu thụ chậm dẫn đến dòng tiền lưu thông không được cải thiện.

*** Chủ quan:**

- Các hợp đồng thi công xây lắp của Công ty chuyển giao từ năm 2012 sang không nhiều, các hợp đồng ký mới ít, giá trị hợp đồng không cao.
- Lực lượng máy móc, thiết bị lớn không huy động được vào sản xuất.
- Lực lượng lao động đông, chủ yếu là công nhân kỹ thuật có tay nghề do đó chi phí để duy trì đội ngũ thợ lành nghề tương đối cao.
- Công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt tại các dự án đã thi công xong, các chủ đầu tư không thu xếp được vốn cố tình không ký hồ sơ thanh toán, không ký đối chiếu công nợ.
- Dòng tiền thanh toán của Chủ đầu tư chậm và không ổn định cho nên Công ty chưa kiểm soát được chính xác dòng tiền đã đẩy chi phí lãi vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng cao.

2. Những chỉ tiêu SXKD chính đạt được:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ TH/KH
1	Giá trị tổng SXKD	Tỷ đồng	855,00	788,87	92%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	773,00	731,45	95%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,00	12,79	107%

4	Nộp NS NN (số đã nộp trong năm)	Tỷ đồng	28,00	41,36	147%
5	Khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	36,00	31,55	88%
6	Đầu tư thiết bị	Tỷ đồng	20,50	8,47	41%
7	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	5,00	5,50	110%
8	Cổ tức	%	10,00	12,00	120%
9	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	13,00	12,00	92%

(Số liệu trên được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)

3. Đánh giá chung về hoạt động của Công ty:

Năm 2013, trong bối cảnh bị tác động bởi các yếu tố kinh tế bất lợi do nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan, Công ty VIMECO chưa hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu Đại hội cổ đông thường niên giao về Tổng giá trị sản lượng (đạt 92,31%) và doanh thu (đạt 95%).

Tuy nhiên với sự chỉ đạo, quyết sách đúng đắn, kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc và sự đoàn kết, thống nhất của tập thể người lao động vượt qua khó khăn, Công ty VIMECO đã nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu Lợi nhuận, cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CÔNG TÁC CHÍNH:

1. Về Hoạt động xây lắp:

- Các dự án chuyển tiếp từ năm 2012 sang: Dự án Láng Hòa lạc, Bắc An Khánh, Tháp 15 Thành Công, Thủy điện Ngòi Phát, Park City.
- Các dự án mới triển khai năm 2013: Đường cao tốc Hà Nội- Lào cai, TP Giao lưu- 234 Phạm Văn Đồng, Bệnh viện 108, Nhà máy Samsung Vina- Thái Nguyên, Chung cư NM bánh kẹo Tràng An.
- Như trên đã trình bày, các dự án chuyển tiếp năm 2012 sang không nhiều, các hợp đồng ký mới nhỏ, giá trị không cao nên năm 2013, hoạt động xây lắp của Công ty đạt:
 - + Giá trị sản lượng : 401,45 tỷ đồng / 471,50 tỷ đồng, đạt 85,14 % kế hoạch.
 - + Giá trị doanh thu : 350,84 tỷ đồng / 435,00 tỷ đồng, đạt 80,65 % kế hoạch.
 - + Dòng tiền thu về : 429,84 tỷ đồng.

Công tác tổ chức thi công:

- Những việc đã làm được:
- + Quản lý, kiểm tra giám sát thường xuyên trong suốt quá trình thi công theo hợp đồng đã ký kết; các chủng loại vật tư, vật liệu được kiểm tra chặt chẽ về hồ sơ, chất lượng trước khi đưa vào công trình thi công.

- + Các công trình thi công đảm bảo tiến độ cam kết, việc kiểm tra, giám sát chất lượng tại các công trình được chú trọng được Chủ đầu tư đánh giá cao.
- + Thương hiệu, uy tín Công ty ngày càng được khẳng định, đặc biệt là các dự án giao thông Công ty làm thầu phụ cho các nhà thầu nước ngoài.
- *Những việc còn tồn tại, hạn chế:*
- + Một số dự án trong giai đoạn đầu thi công, công tác tổ chức mặt bằng thi công, bố trí nhân lực, thiết bị chưa hợp lý ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của dự án.

Công tác thanh, quyết toán:

- *Những việc đã làm được:*
- + Đơn đốc các công trường tập trung đẩy mạnh công tác nghiệm thu, lập phiếu giá thanh toán, hồ sơ quyết toán; Chủ động kịp thời giải quyết các vướng mắc với Chủ đầu tư.
- + Bám sát nguồn vốn của Chủ đầu tư để có kế hoạch thanh toán kịp thời.
- *Những việc còn tồn tại:*
- + Một số dự án công tác làm hồ sơ thanh toán nhanh nhưng Chủ đầu tư chưa thu xếp được nguồn vốn thanh toán: Láng Hòa lạc, Bắc An Khánh. Công nợ phải thu: **112,35** tỷ đồng.
- + Một số dự án do Tổng công ty làm thầu chính: Tổng cục hải quan, Láng Hòa lạc, dự án thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tuasah, Srepok 3... việc thanh, quyết toán dự án phụ thuộc rất lớn vào Tổng thầu. Giá trị phải thu: **80,78** tỷ đồng.
- + Bên cạnh nguyên nhân khách quan công tác thanh quyết toán chậm còn do cán bộ chưa sâu sát, quyết liệt, không chịu áp lực, không chủ động trong xử lý công việc: Bảo tàng HN, XM Bầm Sơn, Nam Đô Complex. Giá trị phải thu: **54,2** tỷ đồng.
- + Công tác lập kế hoạch thu hồi vốn có những tháng chưa sát với thực tế, chưa dự kiến được hết các vướng mắc, khó khăn có thể gặp phải nên dòng tiền thực tế chưa sát với kế hoạch đề ra.
- + Nhiều dự án quyết toán kéo dài nhiều năm chưa dứt điểm được: Bảo tàng Hà Nội, Trụ sở Tổng cục hải quan, Cầu Giẽ - Ninh Bình, XM Bầm Sơn...

Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới:

- *Những việc đã làm được:*
- + Tham gia đấu thầu, lập hồ sơ chào giá thành công các gói thầu: đường Hà Nội - Lào cai, Bệnh viện 108, Samsung Vina - Thái Nguyên, các hạng mục của Dự án Thủy điện Ngòi Phát, Bắc An Khánh, Nhà ở CB Học viện quốc phòng.
- + Cùng với Tổng công ty đấu thầu, chào thầu thành công dự án: Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

- + Các dự án ký hợp đồng năm 2014: Khu đô thị Minh Giang - Đầm Và, LG - Hải Phòng, Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- + Các dự án đang đàm phán: Dự án chung cư Bánh kẹo Tràng An, Chung cư Lĩnh Nam (E&C), Khoan cọc nhồi tại Mổ lao, Dự án Phước Tượng - Phú Gia, Khách sạn Nha Trang, Nhà ga số 3+4 tuyến Nhổn - ga Hà Nội, Gara để xe nhà Quốc hội ...
- + Cử cán bộ chuyên trách trực tiếp tới hiện trường khảo sát mặt bằng, hiện trạng thực tế từng gói thầu, giá vật tư vật liệu, nhân công của từng khu vực để làm cơ sở xây dựng giá chào thầu.
- + Biện pháp thi công qua khảo sát thực tế, trước khi đưa vào hồ sơ đã được tổ chức bảo vệ trước hội đồng của Công ty để đưa ra được biện pháp hợp lý nhất phù hợp với thiết bị sẵn có của Công ty.
- *Những việc còn tồn tại, hạn chế:*
- + Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới không đạt yêu cầu dẫn đến sản lượng, doanh thu thực hiện thấp. Giá trị các hợp đồng ký mới năm 2013: **272,6** tỷ đồng.
- + Trong năm Công ty đã tham gia đấu thầu nhiều dự án, tuy nhiên bộ phận làm hồ sơ thầu chưa chuyên nghiệp, chưa có tính chuyên môn sâu nên chưa đưa ra được giải pháp mới và phương án tối ưu dẫn đến giá thầu chưa hợp lý.

2. Về sản xuất vật liệu xây dựng:

Công tác sản xuất bê tông thương phẩm:

- Sản lượng bê tông thực hiện năm 2013: **280.889** m³.
- Doanh thu bê tông và bơm bê tông thực hiện (bán ngoài): **298,072** tỷ đồng / **280,00** tỷ đồng, đạt: **106,45%** kế hoạch.
- Dòng tiền thu về: **309,41** tỷ đồng.
- Các Trạm trộn bê tông thương phẩm:
- + Trạm bê tông T2 - Nội Bài (02 trạm): phục vụ Dự án Cảng hàng không quốc tế T2- Nội Bài và các khu vực phụ cận, sản lượng bê tông 2013: **99.564,5** m³.
- + Trạm bê tông Tây Mỗ (02 trạm), Bắc An Khánh (01 trạm), HH1 (01 trạm): phục vụ các dự án tại Khu vực Hà Nội, sản lượng bê tông 2013: **160.591,3** m³.
- + Trạm bê tông Hà Nam: phục vụ các dự án tại Khu vực Hà Nam, sản lượng bê tông 2013: **20.732,8** m³.
- *Những việc đã làm được:*
- + Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về thị trường nhưng lĩnh vực sản xuất bê tông đã hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu đề ra.
- + Bám sát các Chủ đầu tư, các dự án để tìm hiểu và tiếp thị bán hàng.

- + Xây dựng cấp phối, đơn giá bán hàng phù hợp với thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề.
- + Đặt uy tín về chất lượng, tiến độ cung cấp bê tông đặt nền hàng đầu, được khách hàng đánh giá cao.
- + Tăng cường công tác đối chiếu, thu hồi công nợ, lập kế hoạch dòng tiền theo tuần, tháng.
- + Kiểm soát chặt chẽ đầu vào, giảm tối đa sản phẩm hỏng, định biên lực lượng lao động để hạ giá thành nâng cao tính cạnh tranh.
- *Những việc chưa làm được:*
- + Công tác thị trường còn hạn chế, chưa có các dự án lớn gối đầu.
- + Trạm trộn bê tông chỉ đảm bảo về số lượng, chất lượng đã cũ, không đồng bộ rất khó tham gia các dự án lớn, yêu cầu cao.
- + Số lượng Trạm trộn bê tông trên địa bàn Hà Nội quá nhiều, dự án triển khai ít, các Trạm đua nhau giảm giá, Công ty chủ trương chấp thuận lợi nhuận thấp, thậm chí hòa vốn để thu hồi khấu hao, có dòng tiền chi lương và trả nợ.
- + Thu hồi công nợ bê tông thương phẩm còn chậm mặc dù Công ty đã đề ra nhiều biện pháp. Ngoài nguyên nhân khó khăn tài chính của Chủ đầu tư thì sự bám sát, tìm hiểu năng lực tài chính của khách hàng còn hạn chế. Hiện nay, công nợ phải thu bê tông rất lớn: **162,1** tỷ đồng dẫn đến chi phí tài chính tăng cao. Trong đó:
 - Các đơn vị trong Tổng công ty : 68,4 tỷ đồng.
 - Các đơn vị ngoài Tổng công ty : 93,7 tỷ đồng.

Công tác sản xuất đá xây dựng:

- Sản lượng đá xây dựng sản xuất năm 2013: **412.084** m³.
- Doanh thu (bán ngoài): **36,59** tỷ đồng / **22,00** tỷ đồng đạt: **166,32%** kế hoạch.
- Dòng tiền thu về: **39,64** tỷ đồng.
- * **Mỏ đá Hà Nam** (Huyện Kim Bảng - Hà Nam):
- Sản lượng thực hiện năm 2013 đạt: **85.718** m³, trong đó tiêu thụ nội bộ (cấp đá 1x2 về Trạm Tây Mỗ): **47.823** m³.
- *Những việc đã làm được:*
- + Đảm bảo kịp thời nguồn đá cho Trạm trộn bê tông Khu vực Hà Nội.
- + Năm 2013 đã thực hiện khoán lương theo sản lượng và Mỏ đá đã bắt đầu có lãi.
(Lợi nhuận gộp 357 triệu đồng)
- *Những việc chưa làm được:*

- + Không khai thác được thị trường tiêu thụ tại địa phương do có nhiều mỏ đá nhỏ lẻ khai thác với giá thành thấp do đó sản phẩm tiêu thụ tại Hà Nội có giá thành cao (cung đường vận chuyển lớn) dẫn đến lợi nhuận thấp.
- + Chưa khai thác được hết công suất của thiết bị.
- + Hiện đang có tranh chấp đất đai giữa chính quyền với người dân địa phương nên Trạm sản xuất đá đã dừng sản xuất từ tháng 10/2013.

*** Mỏ đá Phú Mãn (Huyện Quốc Oai - Hà Nội):**

- Sản lượng thực hiện năm 2013 đạt: **326.366 m³**, trong đó tiêu thụ nội bộ (cấp đá 1x2 về Trạm bê tông, đá cấp phối cho các công trình): **103.263 m³** m³.
- *Những việc đã làm được:*
- + Đáp ứng kịp thời nguồn cung vật liệu cho các Trạm trộn bê tông Tây Mỗ, Nội Bài cũng như đá cấp phối cho các công trình xây lắp.
- + Tích cực tìm kiếm thị trường, khách hàng nhằm tăng công suất khai thác, hạ giá thành sản phẩm.
- + Công tác nghiệm thu khối lượng, đối chiếu và thu hồi công nợ thực hiện tốt.
- + Quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất, vật tư tiêu hao, thực hiện khoán lương theo sản phẩm để tăng năng suất lao động.
- + Thực hiện công tác khoán lương theo sản lượng từ tháng 8/2013.
- *Những việc chưa làm được:*
- + Thị trường bán ngoài vẫn còn hạn chế, các hợp đồng lớn chưa nhiều.
- + Công tác thu hồi nợ đọng cũ chưa dứt điểm.

3. Về công tác kinh doanh bất động sản:

Dự án CT 4:

- + Dự án CT4 được UBND TP Hà Nội chấp thuận nguyên tắc cho Công ty VIMECO chuyển đổi từ Trường dạy nghề sang Dự án nhà ở. Chủ trương ban đầu, dự án gồm: 04 tầng hầm và 49 tầng nổi, Tổng mức đầu tư: 2.169 tỷ đồng. Do vướng về quy mô dự án, chiều cao công trình, hạ tầng kỹ thuật cũng như các thủ tục pháp lý nên Chủ trương này không được UBND TP Hà Nội phê duyệt.
- + Ngày 04/10/2011 Sở Quy hoạch kiến trúc chấp thuận điều chỉnh quy hoạch và phương án kiến trúc sơ bộ của dự án: 04 tầng hầm, 39 tầng nổi. Trong đó: tầng 1-5 làm thương mại, dịch vụ, tầng 6-39 làm căn hộ (322 căn hộ).
- + Ngày 05/12/2011, UBND TP Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án.
- + Ngày 27/03/2012, UBND TP Hà Nội đã có Quyết định số: 1293/QĐ-UBND giao 5.668 m² đất tại Phường Trung Hòa cho Công ty cổ phần VIMECO.

- + Sau khi nghiên cứu thị trường ở thời điểm hiện tại, quy mô ban đầu của dự án đã không còn phù hợp với thực tế nên Công ty đã trình UBND TP Hà Nội cho điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu căn hộ phù hợp với thị trường, phù hợp với nhu cầu thanh toán của khách hàng.
- + Ngày 14/08/2013, UBND TP Hà Nội đã có Công văn 5864/UBND-QHXDGT đồng ý điều chỉnh cơ cấu căn hộ, diện tích từ 322 căn hộ lên 402 căn hộ.
- + Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi của Dự án đã được Sở KH&ĐT chấp thuận ngày 06/03/2014.
- + Thiết kế cơ sở, phương án PCCC đã trình Bộ xây dựng thẩm định.

Dự án Khu đô thị Cao Xanh- Hà Khánh:

- + Dự án bắt đầu triển khai từ năm 2004, tuy nhiên do khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng nên Công ty đã phải dừng thi công. Đến 2008, dự án giải phóng xong mặt bằng nhưng chi phí đầu tư dự kiến tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng, dự án không khả thi, Công ty quyết định dừng triển khai dự án. Tổng chi phí đã đầu tư vào dự án: **31,7** tỷ đồng.
- + Ngày 21/05/2012, UBND tỉnh Quảng Ninh có quyết định số: 1143/QĐ-UBND thu hồi đất đối với Dự án Cao Xanh- Hà Khánh của Công ty cổ phần VIMECO.
- + Ngày 23/07/2012, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị còn lại của tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản đã đầu tư trên đất để hoàn trả cho người bị thu hồi liên quan đến dự án.
- + Ngày 04/02/2013, Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh đã tiếp nhận hồ sơ dự án để tiến hành thuê đơn vị thẩm định giá trị của dự án. Ngày 15/01/2014, Sở tài chính đã có công văn xác nhận giá trị sơ bộ của dự án **31,1** tỷ đồng.
- + Công ty đã tiến hành thanh lý hợp đồng, hoàn trả tiền gốc và lãi cho khách hàng từ năm 2010 nhưng chủ yếu là năm 2012 và 2013, đến 31/12/2013 số tiền gốc chưa hoàn trả cho khách hàng là: **3,26** tỷ đồng.

4. Về công tác kinh doanh dịch vụ:

Trường mầm non VIMECO:

- Số học sinh: 305 cháu, số lớp: 10 lớp.
- Doanh thu thực hiện: **8,20** tỷ đồng.
- Lợi nhuận gộp: **1,9** tỷ đồng. (*chưa tính khấu hao diện tích mặt bằng*)
- Công tác quản lý, chăm sóc, giảng dạy ổn định, nền nếp. Uy tín, thương hiệu ngày càng nâng cao.

Dịch vụ quản lý nhà và chung cư:

- Khu Trụ sở Công ty: Diện tích tầng 1 cho Ngân hàng ANZ (VN) thuê.

- Tòa nhà CT1-CT2-CT3: Diện tích tầng 1 đã cho thuê hết, Tầng 2- Toà nhà CT1 còn trống: 600 m². Giá thuê hiện nay đã giảm xuống 40% so với giá hợp đồng năm 2008.
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ cho các văn phòng và hộ dân ổn định, được Ban quản trị và Tổ dân phố đánh giá cao.

5. Về công tác tài chính- kế toán:

- *Những việc đã làm được:*
- + Chủ động đáp ứng đầy đủ kịp thời nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.
- + Kiểm soát trả nợ các khoản vay vốn lưu động đến hạn, đáo nợ các khoản vay lãi suất cao trước đây, đến cuối năm 2013 mức lãi suất bình quân các khoản vay của Công ty khoảng 9%/năm.
- + Ổn định tình hình tài chính Công ty. Tổng tài sản giảm từ **906,6** tỷ đồng năm 2012 xuống **799,2** tỷ đồng năm 2013. Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu giảm từ **3,53** lần năm 2012 xuống còn **3,00** lần năm 2013.
- + Tăng cường công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ góp phần giảm Chỉ tiêu Hàng tồn kho (giảm **32,82** tỷ đồng) và Phải thu ngắn hạn (giảm **37,87** tỷ đồng).
- + Dự nợ tín dụng cuối kỳ của Công ty giảm mạnh, từ **297,99** tỷ đồng năm 2012 xuống còn **227,29** tỷ đồng năm 2013 cùng với lãi suất giảm đã góp phần làm chi phí lãi vay của Công ty giảm từ **47,72** tỷ đồng năm 2012 xuống **24,89** tỷ đồng năm 2013.
- + Chủ động kết hợp với các phòng ban, công trường trong công tác thu hồi nợ, giảm dần các khoản phải thu tại các dự án: Láng Hòa lạc, Thủy điện Cửa Đạt, Thủy điện Srepok 3, Buôn Kuốp, Buôn Tuasanh.
- + Công tác chi trả tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty đầy đủ, đúng kỳ hạn.
- + Công tác lập báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, Báo cáo quản trị và các báo cáo định kỳ được hoàn thành đúng thời hạn và thực hiện công bố thông tin đúng quy định.
- + Đã đối chiếu công nợ đạt tỷ lệ 100% đối với công nợ thuộc nội bộ Tổng công ty, và đạt tỷ lệ 95% đối với các khoản công nợ còn lại trên sổ sách Công ty.
- *Những việc còn tồn tại:*
- + Hiệu quả việc tái cơ cấu tài sản còn thấp. Chưa hoàn thành việc thoái vốn đầu tư vào các đơn vị hiệu quả SXKD thấp. Tổng vốn đầu tư: **15,75** tỷ đồng. Trong đó:

Công ty CP VIPACO	: 5,31 tỷ đồng
Công ty CP NEDI 2	: 8,39 tỷ đồng
Công ty VINACONEX MEC	: 1,30 tỷ đồng

Công ty CP đá trắng Yên Bình : 0,06 tỷ đồng

Công ty CP ĐT&PT điện Bắc Miền Trung: 0,69 tỷ đồng

- + Chưa quyết liệt đơn đốc các bộ phận trong việc lập hồ sơ thanh, quyết toán, đối chiếu công nợ để thu hồi vốn nợ đọng.
- Vốn điều lệ của Công ty (65 tỷ đồng) tương đối nhỏ so với quy mô hoạt động và duy trì trong thời gian dài (từ năm 2007 đến nay), dẫn đến:
 - + Công ty phải sử dụng nợ vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư tài sản cố định. Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty luôn duy trì ở mức cao, năm 2008 (6,75 lần), năm 2010 (4,19 lần), năm 2013 (3,0 lần).
 - + Cơ cấu vốn dựa vào sử dụng nợ vay làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đặc biệt trong điều kiện thị trường tài chính có nhiều biến động, huy động vốn khó khăn, lãi suất vay vốn tăng cao, năm 2011 (58,81 tỷ đồng), năm 2012 (47,72 tỷ đồng), năm 2013 (24,89 tỷ đồng).
 - + Công ty luôn đứng trước rủi ro về khả năng thanh toán nếu như dòng tiền thu có biến động.
 - + Không được tham gia đấu thầu một số dự án lớn có yêu cầu tài chính cao. (Yêu cầu Vốn điều lệ > 100 tỷ đồng)

6. Công tác quản lý xe máy, thiết bị:

- Giá trị đầu tư thiết bị trong năm 2013: 8,47 tỷ đồng.
 - Trong đó: -Thiết bị thi công Thủy điện Ngòi Phát : 4,09 tỷ đồng.
 - Nâng cấp dây chuyền khai thác đá : 4,38 tỷ đồng.
- Giá trị thanh lý tài sản vật tư hỏng, không cần dùng đã hết khấu hao: 9,58 tỷ đồng.
- *Những việc đã làm được:*
 - + Thực hiện đúng, đầy đủ quy trình quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy thiết bị đúng định kỳ, nâng cao tuổi thọ và khả năng khai thác thiết bị.
 - + Tận dụng và khai thác tối đa công suất thiết bị, xe máy hiện có của Công ty, giai đoạn 2011-2013 Công ty cơ bản không đầu tư thiết bị mới, chỉ đầu tư các thiết bị nhỏ phân bổ giá trị vào luôn công trình. Luân chuyển thiết bị, vật tư sẵn có phục vụ thi công các dự án.
 - + Đã có sự phối hợp thống nhất giữa các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trong việc lập kế hoạch thiết bị, bố trí thiết bị, kế hoạch điều phối thiết bị cho các dự án.
 - + Thực hiện công tác thu hồi điều chuyển các thiết bị xe máy của những dự án đã thi công xong và tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, phân loại thiết bị.
 - + Kiện toàn nâng cấp hệ thống kho, bãi tập kết, sắp xếp thiết bị gọn gàng, khoa học.
- *Những việc còn hạn chế:*

- + Việc kiểm tra, kiểm soát về định mức tiêu hao nhiên liệu, đánh giá hiệu quả thiết bị chưa thường xuyên làm giảm hiệu quả của các dự án.
- + Chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa một số thiết bị chưa cao, vật tư sửa chữa chưa được kiểm soát kỹ, đặc biệt phụ tùng cơ giới cũ.

7. Công tác tổ chức nhân lực:

- *Những việc đã làm được:*
- + Thực hiện công tác luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ đúng quy trình quy định. Đã chủ động trong việc vận động người lao động đủ điều kiện về hưu chia sẻ khó khăn với Công ty.
- + Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ Bảo hiểm, ốm đau, thai sản, lễ phép tết, ... cho người lao động
- + Chủ động theo dõi điều phối lao động giữa các đơn vị trong công ty.
- + Quản lý tốt các lớp học do Công ty tổ chức: lớp MBA, lớp nâng cao nghiệp vụ dự toán, đấu thầu...
- *Những việc còn hạn chế:*
- + Chưa chủ động rà soát và đề xuất bố trí nguồn nhân lực hợp lý trong từng giai đoạn dẫn đến vẫn còn lao động dôi dư. Số lượng lao động của Công ty đã giảm từ 834 người năm 2012 xuống còn 795 người năm 2013.
- + Chưa xây dựng được kế hoạch đào tạo dài hạn cho đội ngũ cán bộ thuộc diện quy hoạch.
- + Công tác kiểm tra tình hình sử dụng lao động, chi trả tiền lương của các đơn vị chưa được kiểm tra thường xuyên, còn bất cập.

8. Công tác khác

- Phối hợp cùng Công đoàn, Nữ công và Đoàn thanh niên tổ chức tốt công tác thi đua lao động sản xuất và triển khai các hoạt động góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013.
- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa thể thao chào mừng 25 năm ngày thành lập Tổng công ty và 16 năm ngày thành lập Công ty.
- Công tác từ thiện xã hội được quan tâm: Xét và đề nghị trao tặng các gia đình cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; quỹ trái tim cho em, quỹ ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt và phụng dưỡng, thăm hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

1. Những việc đã làm được:

- Hoạt động đã bám sát chủ trương định hướng chỉ đạo và nhiệm vụ trọng tâm do Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đề ra.
- Thực hiện điều chỉnh phân công rõ ràng chức trách, nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc theo thực tế công việc.
- Nỗ lực, thể hiện trách nhiệm cao trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động, mạnh dạn trong giải quyết công việc được giao.
- Xây dựng, giữ vững được tinh thần đoàn kết trong tập thể, phát huy tốt truyền thống, kinh nghiệm và thể hiện tính trách nhiệm cao với mục tiêu chung của tập thể Công ty.
- Khả năng đánh giá, phân tích nhận định thị trường, tình hình bên trong, bên ngoài công ty, công tác ngoại giao tiếp cận nguồn công việc có nhiều tích cực.

2. Những việc còn tồn tại, hạn chế:

- Công tác chỉ đạo đôn đốc thanh quyết toán, thu hồi công nợ, tái cơ cấu tài sản, tài chính chưa quyết liệt.
- Công tác chỉ đạo của Ban điều hành đối với các phòng ban chuyên môn trong việc đấu thầu, tìm kiếm việc làm còn nhiều hạn chế.

3. Những kinh nghiệm được đúc rút qua điều hành SXKD của Ban điều hành:

- Tập trung kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách xuyên suốt và có hệ thống.
- Tập trung đánh giá tình hình sát với thực tế, chủ động giải quyết dứt điểm từng công việc.
- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí tài chính, công nợ phải thu, phải trả hàng tháng, duy trì mức dư vay hợp lý các tổ chức tín dụng.
- Sử dụng, phát huy hết vai trò các Phòng chức năng trong kiểm soát, đôn đốc thực hiện các công việc.
- Xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự am hiểu ngành nghề, có tinh thần làm việc cần cù, tận tụy, trách nhiệm và đề cao tính hiệu quả.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

I. MỤC TIÊU:

- Đưa Doanh nghiệp từng bước phát triển vững chắc, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, cải thiện thu nhập cho người lao động.
- Đẩy mạnh ngành nghề thi công truyền thống: thi công xây lắp hạ tầng nền móng và sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông, đá xây dựng), là đơn vị nòng cốt của Tổng công ty VINACONEX.
- Tích cực tìm kiếm các dự án phù hợp với thế mạnh, năng lực thiết bị sẵn có của Công ty, tham gia chào thầu, đấu thầu đạt trên 500 tỷ đồng. Chú trọng nâng cao tỷ trọng các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.
- Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại tài sản, tài chính của Công ty.
- Cân đối đảm bảo dòng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thu xếp kịp thời nguồn vốn trung hạn đáp ứng các dự án đầu tư.

II. CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHỦ YẾU: (Chi tiết ở Phụ lục số 1)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Tăng trưởng
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	788,87	926,50	117%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	731,45	799,00	109%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,79	20,00	156%
4	Khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	31,55	33,20	105%
5	Đầu tư thiết bị	Tỷ đồng	8,47	68,90	813%
6	Thu nhập bình quân tháng	Tr.đồng/người	5,50	5,50	100%
7	Tỷ lệ cổ tức	%	12%	15%	125%
8	Vốn điều lệ cuối kỳ	Tỷ đồng	65,00	100,00	153%
9	Tổng số tiền thu về từ SXKD	Tỷ đồng	826,50	930,00	113%
10	Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ	Tỷ đồng	145,15	280,00	213%
	<i>Trong đó: Kinh doanh BĐS</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>60,10</i>	<i>170,10</i>	<i>283%</i>
11	Nợ phải thu cuối kỳ	Tỷ đồng	472,74	400,00	85%
12	Dư nợ vay tín dụng cuối kỳ	Tỷ đồng	227,28	325,00	121%
	<i>Trong đó: - Vốn lưu động</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>212,28</i>	<i>180,00</i>	<i>85%</i>
	<i>- Vốn đầu tư máy móc thiết bị</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>15,00</i>	<i>50,00</i>	<i>333%</i>
	<i>- Vay nộp tiền đất (lần 1)</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0</i>	<i>45,00</i>	<i>-</i>
	<i>- Huy động vốn người mua nhà</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0</i>	<i>50,00</i>	<i>-</i>
13	Tỷ trọng tiền lương/Doanh thu	%	12,00	13,00	108%

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về công tác điều hành:

- Tập trung từ Ban Tổng giám đốc đến các Phòng ban, đơn vị làm tốt công tác tìm kiếm bổ sung thêm nguồn công việc nhằm đảm bảo việc làm cho năm 2014, công việc gói đầu cho năm 2015 và những năm tiếp theo.
- Bám sát định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên giám sát, kiểm tra sát sao các công việc đảm bảo hoàn thành công việc trong thời gian ngắn nhất và hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị doanh nghiệp, nêu cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu, tập trung giải quyết các công việc dứt điểm nhanh chóng đúng quy trình.
- Phân quyền cụ thể cho các thành viên Ban điều hành, giảm áp lực xử lý công việc hàng ngày cho Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về những nhiệm vụ được giao. Gắn quyền lợi của Ban điều hành với kết quả SXKD của Công ty.
- Giao chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho từng bộ phận sản xuất đồng thời gắn quyền lợi cụ thể của bộ máy điều hành ở bộ phận đó với hiệu quả công việc đạt được.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt đối với cán bộ thị trường, thanh quyết toán.
- Trong thi công, quán triệt quan điểm "công tác chuẩn bị luôn đi trước một bước"; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát tình hình tài chính, sử dụng tài sản, vật tư, vật liệu, thiết bị của các đơn vị.

2. Về công tác xây lắp:

- Kế hoạch: giá trị sản lượng: **501,0** tỷ đồng, doanh thu: **458,0** tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế: **10,8** tỷ đồng.
(Chi tiết ở Phụ lục số 2)
- Đẩy mạnh thi công các dự án có nguồn vốn rõ ràng, thanh toán đúng cam kết: thủy điện Ngòi Phát, Đường Hà Nội - Lào cai, Samsung - Thái Nguyên, Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Đường Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Booyung Hà Đông, Nhà ga 3+4 tuyến Nhổn - ga Hà Nội...
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm cho năm 2014 và các năm tiếp theo: bám sát nguồn công việc do Tổng công ty làm Chủ đầu tư, Tổng thầu, kết hợp với Ban xây dựng tham gia đấu thầu các dự án, tích cực tìm kiếm các công việc ngoài trong lĩnh vực nền móng, hạ tầng.

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ, bám sát Chủ đầu tư, Tổng thầu để quyết toán dự án đối với các dự án kết thúc đã lâu: Xi măng Bỉm Sơn, San nền Nam Trung Yên, Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Trụ sở Tổng cục hải quan, Bảo tàng Hà Nội, Các thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tuasanh, Srepok 3, Daktrih.
- Quyết liệt trong chỉ đạo công tác quản lý chất lượng, tiến độ, an toàn lao động tại các dự án đang thi công, quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.
- Xây dựng các quy trình rõ ràng, thống nhất trong quản lý thi công, hồ sơ thanh quyết toán, quản lý nhân công, vật tư thiết bị. Đề cao tính kỷ luật, cương quyết xử lý, thay thế những cán bộ, người đứng đầu thiếu ý thức, trách nhiệm trong thực thi công việc.

3. Về sản xuất vật liệu xây dựng:

(Phụ lục số 3)

Sản xuất bê tông thương phẩm:

- Kế hoạch năm 2014: sản lượng: **290.000 m³**, doanh thu dự kiến: **253,00** tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế: **3,9** tỷ đồng.
- Giảm Nợ phải thu của bê tông thương phẩm xuống **135,0** tỷ đồng, phần đầu thu 70% nợ của các đơn vị nợ trên 01 năm.
- Quan hệ, duy trì tốt các khách hàng có năng lực tài chính, thanh toán theo cam kết: Golden Palace, Hà Đô Tower, Bạch Đằng Capital, Coteccon, Delta...
- Chuẩn bị và thực hiện tốt công tác bê tông tại Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- Tích cực tìm kiếm thị trường, đặc biệt các dự án lớn sắp triển khai: Nhiệt điện Hải Dương, Vietinbank Tower, Đường sắt...
- Quan hệ, duy trì tốt các khách hàng có năng lực tài chính, thanh toán theo cam kết: Golden Palace, Hà Đô Tower, Bạch Đằng Capital, Coteccon, Delta...
- Kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất nhằm tiết kiệm vật liệu, giảm tối đa sản phẩm hỏng, giảm hao hụt bê tông thấp hơn định mức cho phép.
- Căn cứ nhu cầu công việc thực tế, có thể triển khai đầu tư 01 Trạm bê tông hiện đại, có công suất lớn (210m³/h) vào cuối quý 3 năm 2014, để nâng cao năng lực cạnh tranh tại khu vực Hà Nội.
- Tăng cường công tác đối chiếu, thu hồi công nợ, kiên quyết không chạy theo sản lượng, xem xét kỹ năng lực tài chính chủ đầu tư trước khi cấp hàng.

Sản xuất đá xây dựng:

- Đối với Mỏ đá Hà Nam:

- + Mỏ đã dừng sản xuất, xe vận chuyển bê tông điều về Tây Mỗ, con người tăng cường cho Mỏ đá Phú Mãn, vật tư chuyển về Xưởng Ngọc Hồi, Xưởng sửa chữa chuyển vào Nghi Sơn.
- + Tích cực thu hồi dứt điểm nợ cũ.
- + Giải quyết xong tranh chấp và tìm đối tác để chuyển nhượng mỏ đá.
- **Đối với Mỏ đá Phú Mãn:**
- + Kế hoạch năm 2014: sản lượng: 320.000 m³, doanh thu dự kiến: **61,5** tỷ đồng, trong đó: doanh thu bán ngoài: **42,9** tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế: **2,3** tỷ đồng.
- + Đảm bảo sản xuất, đáp ứng đá 1x2 cho Trạm bê tông, đá base, subbase cho dự án Hà Nội - Lào cai (đến tháng 4/2014) và các dự án khác tại khu vực Hòa lạc, đường Hoà lạc - Hoà Bình, dự án Nhật Tân - Nội Bài (Cienco1, Cienco 4).
- **Các công việc khác:**
- + Mỏ Phú Mãn: xin phép gia hạn khai thác đến năm 2018.
- + Đẩy mạnh quá trình xin phê duyệt, đầu tư mỏ đá mới tại Phú Minh - Hòa Bình.
- 4. **Về công tác kinh doanh bất động sản:**
- Dự án CT4:**
- Chỉ đạo tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý dự án: thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, điều chỉnh quyết định giao đất, xác định tiền sử dụng đất và giấy phép xây dựng để triển khai dự án cuối quý II/2014.
- Xin ý kiến Đại hội cổ đông để quyết định triển khai dự án.
- Thu xếp đầy đủ, kịp thời nguồn vốn để triển khai dự án.
- Triển khai công tác bán hàng theo hướng chuyên nghiệp.
- Thực hiện công tác huy động vốn kèm quyền mua căn hộ. Huy động 20% căn hộ (80 căn), dự kiến thu: **50,0** tỷ đồng với lãi suất thỏa thuận.
- Dự án Cao Xanh- Hà Khánh:**
- Bám sát cơ quan ban ngành tỉnh Quảng Ninh để xác định giá trị Công ty được thanh toán tại dự án sau khi thu hồi, đồng thời có phương hướng thu hồi khoản đã đầu tư trên.
- Tiến hành thanh lý xong đối với các khách hàng còn lại.
- Các dự án khác:**
- Từng bước tiến hành các thủ tục pháp lý chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích đất tại Trạm bê tông Tây Mỗ, hoàn thành vào năm 2018.
- 5. **Về hoạt động kinh doanh dịch vụ:**
- Trường mầm non:

- + Duy trì mức quy mô học sinh hiện tại. Doanh thu: **8,0** tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế: **1,5** tỷ đồng.
- + Nâng cao chất lượng dạy học nhằm củng cố thương hiệu đã có.
- + Đảm bảo mức thu nhập cho đội ngũ giáo viên tạo lên sự gắn bó với Công ty.
- Dịch vụ nhà chung cư:
- + Duy trì chất lượng cung cấp dịch vụ cho văn phòng và các căn hộ.
- + Xử lý nhanh chóng, kịp thời các hồng hóc phát sinh; xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, văn minh.
- Tìm kiếm khách hàng cho phần diện tích còn lại của Tầng 2- CT1 (600m²).
Chất lượng Trường mầm non VIMECO và dịch vụ chung cư sẽ là phương án quảng cáo tốt nhất cho công tác bán hàng khi Dự án CT4 triển khai.

6. Về công tác tài chính:

- Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể trong năm 2014:
- + Tiền thu bán hàng: **930,0** tỷ đồng, giảm nợ phải thu xuống **420,0** tỷ đồng.
- + Giảm dư nợ vay vốn lưu động còn **180,0** tỷ đồng, vốn trung hạn đầu tư thiết bị: **50,0** tỷ đồng, chi phí lãi vay: **21,0** tỷ đồng.
- + Tổng tài sản: **900,0** tỷ đồng, Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu: **3,0** lần.
- Cơ cấu lại tài sản của Công ty, tiến hành thoái vốn ở các đơn vị hoạt động không hiệu quả.
- Tập trung làm tốt công tác lập hồ sơ thanh toán, hồ sơ quyết toán, làm tốt công tác thu hồi công nợ.
- Quản lý tốt dòng tiền, xây dựng kế hoạch dòng tiền trong ngắn hạn, dài hạn theo từng lĩnh vực, đánh giá thường xuyên công tác thu hồi nợ, phân công trách nhiệm thu hồi cho từng cá nhân.
- Hoàn thiện nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán, quán triệt thực hiện tính độc lập của đội ngũ kế toán để số liệu báo cáo quản trị phản ánh chính xác, minh bạch.
- Làm việc cụ thể với các tổ chức tín dụng để đảm bảo hạn mức tín dụng lưu động, hạn mức bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh cũng như vốn trung hạn phục vụ các dự án đầu tư.
- Thu xếp kịp thời, đầy đủ nguồn vốn trung hạn cho các dự án đầu tư xe máy, thiết bị thi công và dự án CT4 với chi phí thấp nhất.
- Triển khai kế hoạch tăng Vốn điều lệ lên **100** tỷ đồng, phân đấu Vốn Chủ sở hữu cuối 2014 đạt: 270 tỷ đồng, đáp ứng một phần cho nguồn vốn trung hạn khi triển khai các dự án đầu tư:
- + *Dự án CT4:*

Tổng mức đầu tư dự kiến: **1.226** tỷ đồng.

Trong đó: Tiền sử dụng đất **160** tỷ đồng, được nộp làm 02 lần, lần đầu nộp ngay khi dự án triển khai (**80** tỷ đồng), Vốn đối ứng của Công ty dự kiến: **35** tỷ đồng, vay **45** tỷ đồng.

+ *Dự án đầu tư xe máy thiết bị thi công:*

Năm 2014 và các năm tiếp theo, Công ty đang và sẽ tham gia các dự án lớn về hạ tầng: NM lọc hóa dầu Nghi Sơn, Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Khu CN cao Hòa Lạc...nhu cầu thiết bị thi công rất lớn. Kế hoạch đầu tư xe máy thiết bị: **68,9** tỷ đồng. Vốn đối ứng vay ngân hàng 40% (Ngân hàng cho vay 60%): **28** tỷ đồng, vay **40,9** tỷ đồng.

Như vậy Nguồn vốn bổ sung từ tăng vốn điều lệ chỉ vừa đáp ứng đủ cho Vốn đối ứng tiền đất CT4 và đầu tư xe máy thiết bị thi công năm 2014.

7. Về công tác quản lý xe máy thiết bị:

(Xem chi tiết ở Phụ lục số 4)

- Thường xuyên kiểm tra công tác bảo dưỡng, sửa chữa, đánh giá chất lượng hoạt động của từng xe máy thiết bị để đảm bảo khi công trình triển khai là có thể khai thác, sử dụng.
- Bám sát nhu cầu sử dụng xe máy, thiết bị thực tế tại các công trường, phối hợp với Phòng QLDA để nâng cao hiệu suất hoạt động của thiết bị.
- Lập kế hoạch đầu tư và thanh lý thiết bị cho năm 2014 và các năm tiếp theo theo định hướng phát triển của Công ty.
- + Kế hoạch đầu tư thiết bị thi công năm 2014: **68,9** tỷ đồng.
- + Kế hoạch thanh lý năm 2014: **10.43** tỷ đồng.

8. Về công tác nhân sự:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp nhân sự hợp lý, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh trong năm 2014 và những năm tiếp theo.
- Thực hiện tốt công tác luân chuyển, bổ sung, bổ nhiệm cán bộ từ phòng ban xuống công trường, trạm xưởng nhằm giúp cán bộ có điều kiện trưởng thành qua thực tế, phát huy được năng lực, sở trường của bản thân.
- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề cho cán bộ chủ chốt, đào tạo bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ.
- Phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật thi công các công trình có yêu cầu chuyên môn cao, nâng cao trình độ kỹ sư cơ giới để đảm bảo khai thác, sửa chữa có hiệu quả các thiết bị ngày càng hiện đại của Công ty.

9. Về công tác xã hội:

- Cùng các tổ chức đoàn thể làm tốt công tác thi đua, khen thưởng tại các công trường, triển khai đăng ký chỉ tiêu thi đua năm 2014 của từng tập thể, cá nhân trong toàn Công ty.
- Tổ chức các hoạt động thi đua nhân dịp lễ, làm tốt công tác chăm lo đời sống người lao động, tham gia làm tốt công tác xã hội từ thiện.

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2013, định hướng hoạt động năm 2014 của Công ty. Với sự tin tưởng của các cổ đông, sự định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự điều hành sát sao của Ban Tổng giám đốc, sự cố gắng, nỗ lực của mọi thành viên trong Công ty, cùng sự hợp tác có hiệu quả của các tổ chức tín dụng và các bạn hàng, đối tác, Công ty cổ phần VIMECO sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững, bảo toàn và phát triển vốn, không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông với cương vị là người chủ, xem xét, góp ý với Ban điều hành Công ty về định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2014. Thay mặt Ban Điều hành Công ty, tôi xin cảm ơn sự ủng hộ, tin nhiệm của toàn thể Cổ đông trong thời gian qua.

Kính chúc toàn thể quý vị Cổ đông Công ty cổ phần VIMECO và quý vị Đại biểu sức khỏe hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VIMECO
Tổng giám đốc

Trần Tuấn Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ THỰC HIỆN NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

Phụ lục số: 1

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đ/v tính	Kế hoạch 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ hoàn thành so với KH	Kế hoạch năm 2014	% tăng trưởng
	2	3	4	5=4/3	6	7=6/4
I-TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	Tr.đồng	855.000	788.871	92,27	926.500	117,45
1- GT SX xây lắp	nt	471.500	401.453	85,14	501.000	124,80
2- GT SXCN, vật liệu xây dựng	nt	347.500	342.476	98,55	330.000	96,36
2.1 Bê tông	nt	324.000	300.485	92,74	278.300	92,62
2.2 Đá	nt	23.500	41.991	178,69	51.700	123,12
3- Giá trị SXKD nhà, đô thị và phát triển HT	Tr.đồng	0	0	0,00	50.000	
4- Giá trị SX, KD dịch vụ	Tr.đồng	36.000	44.942	124,84	45.500	101,24
4.1 Trường mầm non	nt	7.000	8.204	117,20	9.000	109,70
4.2 Dịch vụ chung cư	nt	10.000	13.616	136,16	13.500	99,15
4.3 Cho thuê VP	nt	14.000	13.089	93,49	13.000	99,32
4.4 Giá trị khác	nt	5.000	10.033	200,66	10.000	99,67
II-TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	773.000	731.453	94,63	799.000	109,23
1- Giá trị sản xuất xây lắp	nt	435.000	350.839	80,65	458.000	130,54
2- GT SXCN, vật liệu xây dựng	nt	302.000	334.657	110,81	300.000	89,64
2.1 Bê tông	nt	280.000	298.072	106,45	253.000	84,88
2.2 Đá	nt	22.000	36.585	166,30	47.000	128,47
3- Giá trị SXKD nhà, đô thị và phát triển HT	nt	0	0	0,00	0	
4- Giá trị SX, KD dịch vụ khác	nt	36.000	45.956	127,66	41.000	89,22
4.1 Trường mầm non	nt	7.000	8.204	117,20	8.000	97,51
4.2 Dịch vụ chung cư	nt	10.000	13.616	136,16	11.000	80,79
4.3 Cho thuê văn phòng	nt	14.000	13.089	93,49	13.000	99,32
4.4 Giá trị khác	nt	5.000	11.047	220,94	9.000	81,47
III-TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	12.000	12.790	106,58	20.000	156,37
1- Giá trị sản xuất xây lắp	nt	5.500	5.550	100,91	10.800	194,59
2- GT SXCN, vật liệu xây dựng	nt	5.000	4.150	83,00	6.200	149,40
2.1 Bê tông	nt	4.000	3.400	85,00	3.900	114,71
2.2 Đá	nt	1.000	750	75,00	2.300	306,67
3- Giá trị SXKD nhà, đô thị và phát triển HT	nt	0	0	0,00	0	
4- Giá trị SX, KD dịch vụ khác	nt	1.500	3.090	206,00	3.000	97,09
4.1 Trường mầm non	nt	500	600	120,00	1.500	250,00
4.2 Dịch vụ chung cư	nt		200	0,00	0	
4.3 Cho thuê văn phòng	nt	1.000	2.290	229,00	1.500	65,50
4.4 Giá trị khác	nt		0	0,00		
IV- LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DN	Tr.đồng	9.000	8.729	96,99	15.600	178,71
V- TỶ LỆ CÓ TỨC	%	10	12	120,00	15	125,00
VI- VỐN ĐIỀU LỆ	tỷ đồng	65,00	65,00	100,00	100,00	153,85
VII- TỔNG SỐ TIỀN THU VỀ TỪ SXKD	nt		826,50		930,00	112,52
VIII- CHI PHÍ SXKD DỒI DANG CUỐI KỲ	nt		145,15		280,00	192,90
Trong đó kinh doanh BĐS	nt		60,10		170,10	283,03
IX- NỢ PHẢI THU CUỐI KỲ	nt		472,74		400,00	84,61
X- DƯ NỢ VAY TÍN DỤNG CUỐI KỲ	nt		227,28		325,00	143,00
Trong đó: - Vốn lưu động	nt		212,28		180,00	84,79
- Vốn đầu tư máy móc thiết bị	nt		15,00		50,00	333,33
- Vay nộp tiền đất	nt		0		45,00	
- Huy động vốn người mua nhà	nt				50,00	
XI- KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Tr.đồng	36.000	31.553	87,65	33.200	105,22
XII- NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr.đồng	28.000	41.362	147,72	37.000	89,45
XIII- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	Tr.đồng					
1- Đầu tư Thiết bị	Tr.đồng	20.500	8.471	41,32	68.900	813,36
2- Kinh doanh bất động sản	Tr.đồng	0			110.000	
XIV- THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI/THÁNG	1.000đ	5,0	5,5	110,00	5,5	100,00
XV- TỶ TRỌNG TIỀN LƯƠNG/DOANH THU	%	13,0	12,0	92,31	13,0	108,33



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

TỔNG GIÁ TRỊ SXKD DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 2014

Phụ lục số: 2

TT	Công trình	Dự kiến kế hoạch sản lượng năm 2014	Dự kiến kế doanh thu năm 2014	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	Dự án xây lắp	501.000.000.000	458.000.000.000	
I	Các công trình chuyển tiếp		10.000.000.000	
1	Bảo tàng Hà Nội		10.000.000.000	
II	Các công trình đã ký hợp đồng và sẽ triển khai trong năm 2014	56.000.000.000	67.000.000.000	
1	Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (cả vật tư A cấp)	5.000.000.000	5.000.000.000	
2	Thủy điện Ngòi Phát	31.000.000.000	27.000.000.000	
3	Khu đô thị mới Bắc An Khánh	15.000.000.000	30.000.000.000	
4	Sam sung VINA	5.000.000.000	5.000.000.000	
III	Các công trình dự kiến	445.000.000.000	381.000.000.000	
1	Đà Nẵng - Quảng Ngãi (gói 4)	10.000.000.000	8.000.000.000	
2	Đà Nẵng - Quảng Ngãi (gói 6)	30.000.000.000	27.880.000.000	
3	Quốc lộ 1A (Phước Tượng - Phú Gia)	10.000.000.000	8.000.000.000	
4	Quốc lộ 18 Hải Phòng - Quảng Ninh	10.000.000.000	8.000.000.000	
5	Khu tái định cư + Cầu vượt (ban 3 Sở GTVT)	10.000.000.000	8.000.000.000	
6	Nhà máy Bánh kẹo Tràng an	90.000.000.000	80.000.000.000	
7	Khu CNC Hòa Lạc	5.000.000.000	4.000.000.000	
8	Khách sạn Nha Trang	26.400.000.000	21.120.000.000	
9	Sân nền Dự án Tổ hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	80.000.000.000	70.000.000.000	
10	Dự án Khu nhà ở Minh Giang Đầm V và mở rộng	33.600.000.000	30.500.000.000	
11	Khu nhà ở cán bộ Học Viện Quốc phòng	80.000.000.000	72.000.000.000	
12	Khu chung cư Lĩnh Nam	30.000.000.000	20.000.000.000	
13	Hà Nội - Bắc giang	10.000.000.000	7.500.000.000	
14	Boong young vina	10.000.000.000	8.000.000.000	
15	Nhà ga số 3+4 (Nhôn-Cát Linh)	10.000.000.000	8.000.000.000	
B	Dự án Đầu Tư	50.000.000.000		
1	Phân ngăm đến cos 0.00 dự án Trung Hòa 3	50.000.000.000		
C	Sản xuất Vật liệu xây dựng:	330.000.000.000	300.000.000.000	
1	Sản xuất Bê tông	278.300.000.000	253.000.000.000	
2	Đá xây dựng	51.700.000.000	47.000.000.000	
D	Kinh doanh khác:	45.500.000.000	41.000.000.000	
	Tổng cộng A+B+C+D	926.500.000.000	799.000.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU NĂM 2014

Phụ lục số: 3

TT	Các sản phẩm chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013			Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền (đồng)	Khối lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền (đồng)	
I	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10
I	Bê tông các loại	m ³	280.889		304.969.730.000	305.500		323.302.570.000	
1	Cấp nội bộ	m ³	4.099	1.000.000	4.099.000.000	45.000	1.000.000	45.000.000.000	Tính vào xây lắp
2	Cấp ngoài	m ³	276.790	1.087.000	300.870.730.000	260.500	1.068.340	278.302.570.000	
II	Đá các loại	m ³	412.084		73.936.314.634	470.000		87.007.000.000	
1	Cấp nội bộ	m ³	151.086	211.435	31.944.868.410	190.000	185.300	35.207.000.000	Tính vào bê tông
2	Cấp ngoài	m ³	260.998	160.888	41.991.446.224	280.000	185.000	51.800.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

DANH MỤC ĐẦU TƯ, THANH LÝ XE MÁY THIẾT BỊ NĂM 2014

I THANH LÝ XMTB

Phụ lục 4

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Tổng giá trị thanh lý dự kiến (vnđ)	Ghi chú
1	Máy xúc lật hỡ Kawasaki 85Z-2	Chiếc	1	150.000.000	
2	Xe bơm bê tông Hyundai 29L-7016	Chiếc	1	200.000.000	
3	Xe VCBT thùng trộn 7m ³ (Hino, Fusso, Nissan)	Chiếc	10	2.000.000.000	
4	Trạm trộn bê tông IMI45 m ³ /h	Chiếc	1	500.000.000	
5	Máy đào Hitachi EX550	Chiếc	1	600.000.000	
6	Máy đào Kato HD1880	Chiếc	1	300.000.000	
7	Máy đào Komatsu PC650-3	Chiếc	1	600.000.000	
8	Xe VCBT thùng trộn 2,5m ³	Chiếc	4	600.000.000	
9	Máy xúc lật FUKU-OKA LG918	Chiếc	1	350.000.000	
10	Xe ô tô Ford Escape 29T-1719	Chiếc	1	200.000.000	
11	Xe ô tô Mitsubishi Pajero 29S-9776	Chiếc	1	250.000.000	
12	Xe ô tô Mercedes 16 chỗ 29U-6779	Chiếc	1	200.000.000	
13	Trạm trộn bê tông Vietbat 60m ³ /h	Trạm	1	800.000.000	
14	Trạm trộn bê tông KYC 55m ³ /h	Trạm	1	600.000.000	
15	Máy ủi Komatsu D60P-8	Chiếc	1	200.000.000	
16	Máy ủi Komatsu D60P-6	Chiếc	1	200.000.000	
17	Máy khoan hầm Tamrock Paramatic	Chiếc	1	1.500.000.000	
18	Nghiền côn trạm Shibang	Chiếc	3	150.000.000	
19	Xe UAZ tải 29Y-1297	Chiếc	1	30.000.000	
20	Máy phun vẩy Normet	Chiếc	1	1.000.000.000	
Tổng cộng				<u>10.430.000.000</u>	

II ĐẦU TƯ XE MÁY THIẾT BỊ

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Nguyên giá đầu tư dự kiến (vnđ)	Ghi chú
1	Máy đào xích, gầu 1,2+1,4m ³	Chiếc	2	10.000.000.000	Đợt 1
2	Máy đào lốp, gầu 0,4+0,8m ³	Chiếc	2	4.400.000.000	Đợt 1: Mua 1 chiếc Đợt 2: Mua 1 chiếc
3	Máy lu rung, lực rung 20+35 tấn	Chiếc	6	9.900.000.000	Đợt 1: Mua 3 chiếc Đợt 2: Mua 3 chiếc
4	Máy lu tĩnh, tải trọng 10+15 tấn	Chiếc	1	1.000.000.000	Đợt 2
5	Máy san, công suất 123+180 HP	Chiếc	1	4.200.000.000	Đợt 2
6	Xe téc nước, thể tích téc 4+6m ³	Chiếc	2	1.800.000.000	Đợt 1
7	Xe văn phòng	Chiếc	3	3.100.000.000	Đợt 1: Mua 2 chiếc Đợt 2: Mua 1 chiếc
8	Xe VCBT, thùng trộn 7m ³	Chiếc	5	9.500.000.000	
9	Trạm trộn bê tông 210m ³ /h	Trạm	1	25.000.000.000	
Tổng				<u>68.900.000.000</u>	

Ghi chú: - Đợt 1 Từ tháng 1/2014 đến hết tháng 6/2014

- Đợt 2: Từ tháng 7/2014 đến hết tháng 12/2014

- Đầu tư 5 xe VCBT, trạm trộn bê tông 210m³/h sau khi bán được 10 xe VCBT cũ và một số trạm trộn bê tông nhỏ công suất từ 45-60m³/h.